

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐẢO
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 8 năm 2019
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Vân Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Kim Trọng;

- Bà Nguyễn Thị Nhẫn.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Văn La, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2019/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Lại T, sinh năm 1965; trú tại: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1964; trú tại: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Văn M; chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lâm Thanh H, chức vụ: Công chức tư pháp hộ tịch (Văn bản ủy quyền ngày 18/7/2019), vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thái S; chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Diệp Văn Đ, chức vụ: Công chức tư pháp hộ tịch (Văn bản ủy quyền ngày 08/7/2019), vắng mặt.

- Bà Phạm Thị L, sinh năm 1967; trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

- Ông Phạm Tùng L, sinh năm 1964; trú tại: S, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/ 7/ 2019 và những lời khai trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Trần Lại T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Văn T có đăng ký kết hôn vào ngày 12/5/2014 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn với ông Trần Văn T, bà đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Duy T nhưng đến ngày 13/8/2007 ông T chết. Trước khi kết hôn với bà, ông Trần Văn T đã tổ chức cưới vợ là bà Phạm Thị L, sinh năm 1967 trú tại thôn S, xã Đ, huyện T vào năm 1982 nhưng không đăng ký kết hôn. Ông T và bà L có 04 người con chung cùng chung sống tại thôn S, xã Đ, huyện T. Tuy nhiên, bà không biết việc ông T chưa giải quyết ly hôn với bà L. Ngoài ra, thời gian gần đây bà còn phát hiện giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do ông T cung cấp cho UBND xã H, huyện T để đăng ký kết hôn cho bà và ông T không phải do ông Diệp Văn Đ là cán bộ tư pháp hộ tịch của xã Đ, huyện Tam Đảo ký. Nay, bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo xem xét hủy kết hôn trái pháp luật giữa bà và ông T vì ông T và bà L vẫn đang tồn tại là vợ chồng, được pháp luật thừa nhận. Hủy giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyền số 01/2014 ngày 12/5/2014 do UBND xã H, huyện T cấp.

* Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung là cháu Trần Thị Vân A, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2009. Khi hủy kết hôn trái pháp luật, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Thị Vân A và không đề nghị ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung, tài sản riêng: Bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Về công nợ, công sức: Bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và lời khai tiếp theo của bị đơn, ông Trần Văn T trình bày: Ông và Bà Trần Lại T chung sống với nhau từ tháng 10 năm 2007 đến ngày 12/5/2014 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tam Đảo. Trước khi kết hôn với bà T, ông có quan hệ chung sống với bà Phạm Thị L sinh năm 1967, trú tại: Thôn S, xã Đ, huyện T từ năm 1982 nhưng không đăng ký kết hôn đến năm 2005 thì chấm dứt quan hệ. Ông và bà L có 04 con chung là cháu Trần Thị L, sinh năm 1983, Trần Văn T, sinh năm 1986, Trần Thị T, sinh năm 1990

và Trần Thị H, sinh năm 1993, hiện các con đã trưởng thành. Việc ông đăng ký kết hôn với bà T là đúng quy định của pháp luật vì ông chưa đăng ký kết hôn lần nào. Nay bà T làm đơn yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông và bà T, ông không đồng ý.

* Về con chung: Ông và bà Thủy có 01 con chung là cháu Trần Thị Vân A, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2009 như bà T trình bày là đúng. Trường hợp Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông và bà T, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Trần Thị Vân A và không đề nghị bà T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc trình bày: Tại sổ cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân trang số 19 quyển số 01/2014 đang lưu giữ tại Ủy ban nhân dân xã Đ không có tên ông Trần Văn T. Trong thời gian cư trú tại địa phương từ năm 1964 cho đến năm 2012 cắt khẩu về xã H, huyện T, ông Trần Văn T không đăng ký kết hôn với ai mà chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, sống chung như vợ chồng với bà Phạm Thị L từ năm 1982 tại nhà và đất của bố mẹ ông T cho tại Thôn S, xã Đ (nay là thôn Đồng Lĩnh, xã Đại Đình), huyện Tam Đảo và có 04 con chung. Đối với chữ ký và con dấu trong giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của UBND xã Đại Đình xác nhận cho ông Trần Văn T địa phương khẳng định đúng chữ ký của ông Phạm Tùng L lúc đó là Phó Chủ tịch UBND xã và đúng con dấu của UBND xã còn chữ ký của ông Diệp Văn Đ, cán bộ tư pháp hộ tịch là không đúng. Trường hợp địa phương cấp cho ông T giấy xác nhận tình trạng hôn nhân thể hiện nội dung xác nhận như trong giấy là không đúng thực tế tình trạng hôn nhân của ông T.

- Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc trình bày: Khi nhận hồ sơ đăng ký kết hôn của ông Trần Văn T và Bà Trần Lại T thì UBND xã Hồ Sơn có tiếp nhận đầy đủ những giấy tờ của ông T và bà T gồm: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của ông T, 01 giấy chứng tử của chồng bà T, 01 bản cam kết viết tay của bà T và 01 tờ khai đăng ký kết hôn của bà T. Căn cứ vào những giấy tờ này, UBND xã Hồ Sơn thấy hợp lệ nên đã đăng ký kết hôn cho ông T và bà T vào ngày 12/5/2014.

- Ông Phạm Tùng L trình bày: Ông làm Phó chủ tịch UBND xã Đại Đình, huyện Tam Đảo từ năm 2004 đến năm 2015. Thời điểm ký giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho ông Trần Văn T vào ngày 09/4/2014 do ông ký, đúng chữ ký của ông. Sở dĩ ông ký do ông nhìn giấy xác nhận có chữ ký của cán bộ tư pháp

hộ tịch là ông Diệp Văn Đ, ông không để ý đến nội dung trong giấy. Hơn nữa, do nề nang và tin ông T nên khi ông T mang đến gặp ông đã ký. Khi ký ông không hỏi ông T xem là đúng chữ ký của ông Đ không. Thực tế nhìn kỹ không phải là chữ ký của ông Đ. Thực tế tại địa phương ông T và bà L có tổ chức cưới sau đó chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1982 nhưng không đi đăng ký kết hôn và có 04 con chung.

- Bà Phạm Thị L trình bày: Bà và ông Trần Văn T có tình hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1982 tại Thôn Sơn Đình, xã Đại Đình (nay là thôn Đồng Lĩnh, xã Đại Đình), huyện Tam Đảo. Bà và ông T không tổ chức cưới và không đăng ký kết hôn theo quy định do bà và ông T chung sống với nhau không xảy ra vấn đề gì, vẫn thương yêu nhau cùng nhau sinh con nên không cần đi đăng ký kết hôn. Bà và ông T có 04 con chung như ông T trình bày là đúng. Nay Bà Trần Lại T yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật với ông Trần Văn T, bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Căn cứ khoản 1 Điều 10, Điều 16, Điều 17 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c1 mục 1 Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của nguyên đơn. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Vân A cho ông Trần Văn T, Bà Trần Lại T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, công nợ, công sức và đất canh tác: Các đương sự đều không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Lại T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết hủy kết hôn giữa bà và ông Trần Văn T, ông T có nơi cư trú tại xã Hồ Sơn, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh

Phúc theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà T và ông T có đăng ký kết hôn vào ngày 12/5/2014, trước ngày Luật hôn nhân gia đình năm 2014 có hiệu lực nên căn cứ vào Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Lại T và ông Trần Văn T có đăng ký kết hôn vào ngày 12/5/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Hồ Sơn, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn với bà T, ông T chung sống như vợ chồng với bà Phạm Thị L tại xã Đ, huyện T từ năm 1982 và có 04 con chung với bà L nhưng không đăng ký kết hôn. Đến nay, giữa ông T và bà L chưa giải quyết ly hôn tại Tòa án, vẫn là vợ chồng theo quy định tại điểm c mục 1 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000: “1...c1. Người đang có vợ hoặc có chồng là...Người sống chung với người khác như vợ chồng từ trước ngày 03/1/1987 và đang chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”. Việc ngày 12/5/2014 ông Trần Văn T xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn với Bà Trần Lại T là vi phạm điều kiện kết hôn, vi phạm quy định về những trường hợp cấm kết hôn theo quy định tại khoản 3 Điều 9, khoản 1 Điều 10 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000: Những trường hợp cấm kết hôn “1. Người đang có vợ hoặc có chồng”.

Tòa án đã xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đại Đình, huyện Tam Đảo xác định: Trong thời gian cư trú tại địa phương từ năm 1964 đến năm 2012 cất khẩu về xã Hồ Sơn ông T không đăng ký kết hôn với ai mà chỉ tổ chức cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, chung sống như vợ chồng với bà Phạm Thị L từ năm 1982, có 04 con chung tại thôn Sơn Đình, xã Đại Đình (nay là thôn Đồng Lính, xã Đại Đình), huyện Tam Đảo. Tại sổ cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân trang số 19 quyển số 01/2014 đang lưu giữ tại Ủy ban nhân dân xã Đại Đình không có tên ông Trần Văn T. Như vậy, việc Ủy ban nhân dân xã Đại Đình xác nhận vào giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cấp cho ông T đi đăng ký kết hôn là chưa đăng ký kết hôn lần nào thể hiện việc xác nhận không đúng thực tế tình trạng hôn nhân của ông T. Do vậy, việc bà T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà và ông Trần Văn T là có căn cứ cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà T và ông T đều thừa nhận có 01 con chung là cháu Trần Thị Vân A, sinh ngày 15 tháng 09 năm 2009. Hiện nay cháu Vân A đang ở

với ông, bà. Khi chấm dứt quan hệ vợ chồng, bà T và ông T đều xin nuôi con và không yêu cầu người kia cấp dưỡng nuôi con chung. Xét nguyện vọng xin nuôi con của hai bên là chính đáng, điều kiện hoàn cảnh hiện tại của các đương sự về khả năng kinh tế để nuôi con là ngang nhau nhưng theo nguyện vọng của cháu Vân A muốn ở cùng ông T. Vì vậy, cần giao cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vân A, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức và đất canh tác: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trần Lại T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 9, khoản 1 Điều 10, Điều 16, Điều 17 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c1 mục 1 Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa Bà Trần Lại T và ông Trần Văn T.

Hủy giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyền số 01/2014 ngày 12/5/2014 do UBND xã Hồ Sơn, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho ông Trần Văn T và Bà Trần Lại T.

2. Về con chung: Giao cho ông Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Thị Vân Anh, sinh ngày 15/9/2009. Bà Trần Lại T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Trần Lại T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0001165 ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Đảo. Xác nhận bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tam Đảo;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- UBND xã Hồ Sơn, huyện Tam Đảo;
- UBND xã Đại Đình, huyện Tam Đảo
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Vũ Thị Vân Hồng

